

Bản án số: 77/2019/HS-ST
Ngày: 13-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Triệu Luật.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng.

Ông Vũ Ngọc Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:

Ông Hoàng Nam Bắc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 70/2019/TLST-HS ngày 27 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2019/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1/Nguyễn Văn L; sinh năm: 1974 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: 59/3 đường Trường Sơn, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn K (chết) và bà: Nguyễn Thị L (chết); có vợ: Trương Thị Thu H và 02 (lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2003); tiền án: 01 (ngày 07/9/2012 bị Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 101/2012/HSST); tiền sự: 01 (ngày 20/8/2015 bị Tòa án nhân dân Quận 10 Thành phố Hồ Chí Minh quyết định xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 22 tháng theo quyết định số 124/QĐ-TA); nhân thân: ngày 16/6/1994 bị Tòa án nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo Bản án số 86/HSST, ngày 17/3/1997 bị Tòa án nhân dân Quận 3 xử phạt 16 tháng tù về tội

“Cướp giật tài sản của công dân” theo Bản án số 34/HSST; bị bắt tạm giam ngày: 11/6/2019.

2/Lê Hoàng T; sinh năm: 1988 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đường D, phường K, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn T và bà: Nguyễn Thị X (chết); tiền án: 01 (ngày 22/8/2017 bị Tòa án nhân dân quận Tân Phú xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 122/2017/HSST); tiền sự: 01 (ngày 31/5/2016 bị Tòa án nhân dân Quận 11 quyết định xử lý vi phạm hành chính áp dụng biện pháp hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 18 tháng theo Quyết định số 25/2016/QĐ-TA); nhân thân: ngày 14/7/2006 bị Tòa án nhân dân Quận 5 xử phạt 03 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án số 127/2006/HSST, ngày 09/10/2019 bị Tòa án nhân dân Quận 10 xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 61/2019/HSST; bị bắt tạm giam ngày: 22/4/2019.

3/Nguyễn Ngọc P; sinh năm: 1978 tại Bình Dương; nơi thường trú: đường T, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Ngọc C (chết) và bà: Tài Thị M; tiền án: 01 (ngày 19/9/2013, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 429/2013/HSST); tiền sự: không; nhân thân: ngày 15/12/1995 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 2 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” theo Bản án số 1828/HSST, ngày 08/11/1997 bị Tòa án nhân dân Quận 10 xử phạt 3 năm tù về tội “Cướp giật tài sản của công dân” theo Bản án số 265/HSST, ngày 06/11/2001 bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 384/HSST, ngày 17/6/2004 bị Tòa án nhân dân Quận 3 xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 70/HSST, ngày 09/10/2019 bị Tòa án nhân dân Quận 10 xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 61/2019/HSST; bị bắt tạm giam ngày: 22/4/2019.

(Các bị cáo có mặt).

- Bị hại:

1/Bà Ứng Dục K – Sinh năm: 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: đường T, Phường P, Quận M, TP.HCM.

2/Ông Nguyễn Minh H – Sinh năm: 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: đường T, Phường P, Quận M, TP.HCM.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Bà Phan Thị Huyền T – Sinh năm: 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: đường T, Phường P, Quận M, TP.HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 00 ngày 30/03/2019, Nguyễn Văn L đi ngang qua nhà số 601/8/11 đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh thì nhìn thấy trong nhà có nhiều xe và công dễ mở khóa, nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. L gọi điện thoại rủ Nguyễn Ngọc P đi trộm cắp tài sản kiếm tiền tiêu xài, P đồng ý nhưng không có xe đi nên L bỏ về nhà.

Đến khoảng 03 giờ 00 ngày 31/03/2019, P mượn được xe nên gọi lại cho L để cùng đi trộm cắp. Sau đó, P điều khiển xe mô tô hiệu Honda Air Blade màu trắng xám biển số 59K1-763.08 đến tiệm game bắn cá trên đường Trường Sơn để rủ thêm Lê Hoàng T đi trộm cắp tài sản, T đồng ý và được P chở đến nhà L. Tại đây, P giao xe cho T để T chở P và L đến nhà số 601/8/11 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 15, Quận 10 theo chỉ dẫn của L. Khi đến nơi, P và T dừng xe cách căn nhà trên khoảng 10 mét, còn L xuống xe đi bộ đến trước cửa nhà và thò tay vào bên trong thì thấy có ổ nhưng không khóa nên L mở cửa đi vào sân. Khi vào đến cửa chính, L thấy cửa không khóa nên tiếp tục mở cửa đi vào bên trong nhà. Lúc này, P và T điều khiển xe đến dừng trước cửa nhà và cùng đi vào bên trong với L. L lên lút dắt chiếc xe mô tô hiệu Honda Air Blade màu đen bạc tím biển số 79H1-146.68 (có cắm sẵn chìa khóa) ra ngoài và nổ máy chạy đi. Sau đó, P sử dụng cây đoản do L đưa cho để bẻ khóa 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Air Blade màu đen xám, biển số 59M1-331.76 và đưa cho T dắt chiếc xe này ra ngoài và nổ máy chạy đi. Còn P điều khiển xe mô tô biển số 59K1-763.08. Khi cả ba chạy ra đến đầu hẻm 601 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 15, Quận 10 thì L giao xe lại cho P và T rồi đi bộ về. P và T để xe mô tô biển số 59K1-763.08 bên lề đường rồi cả hai điều khiển 02 chiếc xe biển số 79H1-146.68 và 59M1-331.76 vừa chiếm đoạt được đem đi bán gần đó cho 02 người không rõ lai lịch, địa chỉ được 12.000.000 đồng. P, T và L chia nhau mỗi người 4.000.000 đồng. Số tiền này, cả ba đã tiêu xài cá nhân hết.

Tài sản bị chiếm đoạt là: 01 xe mô tô hiệu Honda Air Blade (màu đen bạc tím, biển số 59M1-331.76, số khung: RLHJF2702BY657231, số máy: F27E1291161), qua điều tra và xác minh do bà Ứng Dục K đứng tên chủ sở hữu, bà K khai chi có để xe mô tô trên ở tầng trệt nhà trọ số 601/8/11 Cách Mạng

Tháng Tám, Phường 15, Quận 10 nhưng đến khoảng 03 giờ 30 ngày 31/03/2019 thì phát hiện mất xe, bà K yêu cầu bồi thường 15.000.000 đồng (tài sản không thu hồi được); 01 xe mô tô hiệu Honda Air Blade (màu đen xám, biển số 79H1-146.68, số khung: F2705BY339619, số máy: JF27E-1397170), qua điều tra và xác minh do bà Phan Thị Huyền T đứng tên chủ sở hữu, bà T khai chiếc xe trên là tài sản chung của bà và ông Nguyễn Minh H (là chồng bà T) và do ông H quản lý, sử dụng, ông H khai ông có để chiếc xe mô tô trên ở tầng trệt nhà trọ số 601/8/11 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 15, Quận 10 nhưng đến khoảng 03 giờ 30 ngày 31/03/2019 thì phát hiện mất xe, ông H và bà T yêu cầu bồi thường 15 triệu đồng (tài sản không thu hồi được). Tại Kết luận định giá tài sản số 410/KL-ĐGTS ngày 17/06/2019 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân Quận 10 kết luận: 01 xe mô tô hiệu Honda Air Blade biển số 59M1-331.76 trị giá 19.000.000 đồng và 01 xe mô tô hiệu Honda Air Blade biển số 79H1-146.68 trị giá 19.000.000 đồng. Tổng trị giá 02 tài sản trên là 38.000.000 đồng.

Qua truy xét, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã quyết định khởi tố, điều tra đối với: Nguyễn Văn L, Nguyễn Ngọc P, Lê Hoàng T về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Riêng đối với: 01 xe mô tô hiệu Honda Air Blade màu trắng, biển số 59K1-763.08, số khung: RLHJF461XEZ-018308, số máy: JF46E-6018343 do anh Đỗ Nguyên V đứng tên chủ sở hữu, chiếc xe đồng thời là vật chứng và bị thu giữ trong vụ án “Trộm cắp tài sản” xảy ra ngày 17/04/2019 tại trước số 449/39 Sư Vạn Hạnh, Phường 12, Quận 10 do Nguyễn Ngọc P và Lê Hoàng T thực hiện. Ngày 16/07/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã có Quyết định xử lý vật chứng tách chiếc xe trên chuyển sang để giải quyết trong vụ án này.

Tại bản cáo trạng số 69/CT-VKS ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành Phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

Lê Hoàng T, Nguyễn Văn L về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Nguyễn Ngọc P về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa hôm nay:

- Các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo đúng theo nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, bị hại,

nêu lên những tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (tái phạm), giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải) và nhân thân của từng bị cáo; đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, điểm b khoản 2, 5 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo:

Nguyễn Văn L: từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù, phạt bổ sung từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Nguyễn Ngọc P: từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm 03 tháng tù, phạt bổ sung từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Lê Hoàng T: từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 09 tháng tù, phạt bổ sung từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Đề nghị xử lý trách nhiệm và các biện pháp tư pháp khác theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của các bị cáo: Không có ý kiến gì tranh luận.

- Lời nói sau cùng của các bị cáo: rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên thu thập; do bị can, bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cung cấp. Do đó, những chứng cứ, tài liệu trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị can mà các bị cáo đã trình bày nội dung lời khai là

hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Nhận định hành vi và điều khoản xét xử:

Tại Cơ quan điều tra, cũng như trước phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thừa nhận hành vi của mình, qua lời khai nhận của bị cáo, đối chiếu với lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng, bản kết luận định giá tài sản, biên bản nhận dạng, biên bản thực nghiệm điều tra, cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án là phù hợp, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định các bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Các bị cáo thống nhất ý chí hành động thực hiện liên tục nhiều hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của các bị hại có tổng giá trị là 38.000.000 đồng; nên các bị cáo L, T bị truy tố và xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

Riêng bị cáo P còn nhân thân xấu, cụ thể: ngày 19/9/2013, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 429/2013/HSST (xét xử 04 lần về hành vi “Trộm cắp tài sản”, nay lại tiếp tục phạm tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 09/10/2019 bị Tòa án nhân dân Quận 10 xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; do vậy có cơ sở xác định tính đến nay bị cáo đã thực hiện một loại hành vi từ 05 lần trở lên và lấy đó làm nguồn thu nhập chính (bản thân không có nghề nghiệp), đó là phạm tội mang tính chất chuyên nghiệp; nên bị cáo bị truy tố và xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Các hành vi của các bị cáo là phạm tội mang tính liên tục, nên không tính là phạm tội nhiều lần, mà tính tổng giá trị tài sản của các lần chiếm đoạt để xem xét trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

[4] Việc áp dụng hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Các hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội; ngoài ra các bị cáo còn có đặc điểm nhân thân, cụ thể: đối với bị cáo L: ngày 20/8/2015 bị Tòa án nhân dân Quận 10 Thành phố Hồ Chí Minh quyết định xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 22 tháng , ngày 16/6/1994 bị Tòa án nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, ngày 17/3/1997 bị Tòa án nhân dân Quận 3 xử phạt 16 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản của công dân” (đã được xóa án tích); đối với bị cáo T: ngày 31/5/2016 bị Tòa án nhân dân Quận 11 quyết định xử lý vi phạm hành chính áp dụng biện pháp hành chính đưa vào cơ sở cai

nghiện bắt buộc 18 tháng theo Quyết định số 25/2016/QĐ-TA , ngày 14/7/2006 bị Tòa án nhân dân Quận 5 xử phạt 03 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (đã được xóa án tích); đối với bị cáo P: ngày 15/12/1995 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 2 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” theo Bản án số 1828/HSST, ngày 08/11/1997 bị Tòa án nhân dân Quận 10 xử phạt 3 năm tù về tội “Cướp giật tài sản của công dân” theo Bản án số 265/HSST, ngày 06/11/2001 bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 384/HSST, ngày 17/6/2004 bị Tòa án nhân dân Quận 3 xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (đã được xóa án tích). Do vậy hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải bị xử phạt nghiêm minh bằng luật hình với mức hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, cụ thể cần thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục các bị cáo thành người tốt cho xã hội, đồng thời cũng để răn đe, giáo dục đối với những người thực hiện hành vi tương tự, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tệ nạn tại địa phương; đồng thời căn cứ vào khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), phạt bổ sung tương ứng đối với từng bị cáo một khoản tiền, nộp ngân sách Nhà nước.

Về tình tiết tăng nặng: bị cáo L: ngày 07/9/2012 bị Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo T: ngày 22/8/2017 bị Tòa án nhân dân quận Tân Phú xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo P: ngày 19/9/2013, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, các bị cáo đã bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng, nghiêm trọng do cố ý, nhưng chưa được xóa án tích, nay lại tiếp thực hiện hành vi tội phạm ít nghiêm trọng, nghiêm trọng do cố ý, nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); do vậy các bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Về tình tiết giảm nhẹ: Tuy nhiên, xét thấy bị cáo thành khẩn khai báo (nhưng chưa thật sự ăn năn hối cải); do vậy Hội đồng xét xử tương ứng áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với từng bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác:

Về trách nhiệm dân sự:

Xét thấy căn cứ vào chứng cứ hiện tại, có cơ sở xác định tài sản mà các bị cáo (Nguyễn Văn L, Lê Hoàng T, Nguyễn Ngọc P) chiếm đoạt của bà Ứng Dục K (tài sản bị chiếm đoạt qua định giá là 19.000.000 đồng), ông Nguyễn Minh H và bà Phan Thị Huyền T (tài sản bị chiếm đoạt qua định giá là 19.000.000 đồng); nay phía bà K, bà T và ông H chỉ yêu cầu bồi thường tương ứng tài sản bị chiếm đoạt lần lượt là 15.000.000 đồng; xét thấy yêu cầu của phía các bị hại là hợp pháp và tự nguyện; vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc các bị cáo (Nguyễn Văn L, Lê Hoàng T, Nguyễn Ngọc P) liên đới bồi thường cho các bị hại là Ứng Dục K, Nguyễn Minh H và bà Phan Thị Huyền T các khoản tiền lần lượt là 15.000.000 đồng.

Về án phí sơ thẩm: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[6] Đối với bản án số: 61/2019/HSST ngày 09/10/2019 của Tòa án nhân dân Quận 10 xử phạt: bị cáo Nguyễn Ngọc P 02 năm 06 tháng và phạt bổ sung 10.000.000 đồng, bị cáo Lê Hoàng T 02 năm tù và phạt bổ sung 5.000.000 đồng về tội “Trộm cắp tài sản”, do hành vi phạm tội bị xét xử lần này, thực hiện trong khi hành vi phạm tội tại bản án trên chưa bị kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật, nên không tính là tiền án; nhưng nay bản án này đã có hiệu lực pháp luật, nên cần áp dụng Điều 55, Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) tổng hợp hình phạt, buộc các bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Ngọc P, Lê Hoàng T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ vào khoản 1, 5 Điều 173; khoản 1 Điều 53; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Văn L;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L: 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/6/2019.

Phạt bổ sung bị cáo L 10.000.000 (mười triệu) đồng, nộp ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2, 5 Điều 173; khoản 1 Điều 53; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 55, Điều 56 Bộ luật

Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Ngọc P;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc P 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù, tổng hợp hình phạt trên với hình phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù theo bản án số 61/2019/HSST ngày 09/10/2019 của Tòa án nhân dân Quận 10, thì bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 05 (năm) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/4/2019.

Phạt bổ sung bị cáo P 10.000.000 (mười triệu) đồng, tổng hợp hình phạt bổ sung trên với hình phạt bổ sung 10.000.000 (mười triệu) đồng theo bản án số 61/2019/HSST ngày 09/10/2019 của Tòa án nhân dân Quận 10, buộc bị cáo chấp hành hình phạt bổ sung chung của hai bản án là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, nộp ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ vào khoản 1, 5 Điều 173; khoản 1 Điều 53; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 55, Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lê Hoàng T;

Xử phạt bị cáo Lê Hoàng T: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, tổng hợp hình phạt trên với hình phạt 02 (hai) năm tù theo bản án số 61/2019/HSST ngày 09/10/2019 của Tòa án nhân dân Quận 10, thì bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/4/2019.

Phạt bổ sung bị cáo T 10.000.000 (mười triệu) đồng, tổng hợp hình phạt bổ sung trên với hình phạt bổ sung 5.000.000 (năm triệu) đồng theo bản án số 61/2019/HSST ngày 09/10/2019 của Tòa án nhân dân Quận 10, buộc bị cáo chấp hành hình phạt bổ sung chung của hai bản án là 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng, nộp ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc: các bị cáo (Nguyễn Văn L, Lê Hoàng T, Nguyễn Ngọc P) liên đới bồi thường cho các bị hại các khoản tiền tương ứng, cụ thể như sau:

+ Bà Ủng Dục K: 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng.

+ Ông Nguyễn Minh H và Bà Phan Thị Huyền T: 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng.

Thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả

cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc:

- Bị cáo L chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.
- Bị cáo P chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.
- Bị cáo T chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.
- Các bị cáo (L, P, T) liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.500.000 (một triệu năm trăm ngàn) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày; đối với bị cáo tính từ ngày tuyên án; đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- TAND TP.HCM; (1)
- VKSND Q.10; (2)
- Công an Q.10; (2)
- Chi cục THADS Q.10; (1)
- Người tham gia tố tụng; (6)
- Lưu: VP, THAHS, Hồ sơ. (11)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Triệu Luật